

BÀI 2

TỔ QUỐC VIỆT NAM



Con có một *tổ quốc* Việt Nam.
 Quê hương yêu dấu ngàn đời.
 Con *hãnh diện*, con vui sướng.
 Con yêu non sông *gấm vóc*.
 Con yêu lịch sử *vẻ vang*.
 Con yêu đồng bào cần mẫn.
 Con yêu chiến sĩ *hào hùng*.

Hồng y Nguyễn Văn Thuận

Nghĩa của từ:

Hãnh diện: Rất hài lòng và lộ rõ lòng tự hào trước người khác.

Gấm vóc: Hai thứ hàng dệt bằng tơ tằm, đẹp và quý.
 (Thường được dùng ví về đẹp của giang sơn)

Vẻ vang: Sáng chói, đáng tự hào.

Hào hùng: Có khí phách mạnh mẽ, trôi nổi.

Tổ quốc: Đất nước mình (Cách gọi trang trọng trù mến)

Ngữ pháp:

Ôn : Ghép chữ, ghép vần ra TỪ
 Cụm từ; Chủ ngữ; Vị ngữ
 (Ôn giáo trình lớp 3) Mục: 26,27,28,29 và 30.

Yêu cầu:

Thầy cô và phụ huynh ôn lại phần cụm từ thật kỹ cho các em trước khi bước sang phần câu.

Ca dao :

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
 Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

II. ÔN THỰC TẬP GHÉP VẦN

A. Hướng dẫn:

Q+uôc+/ = Quốc

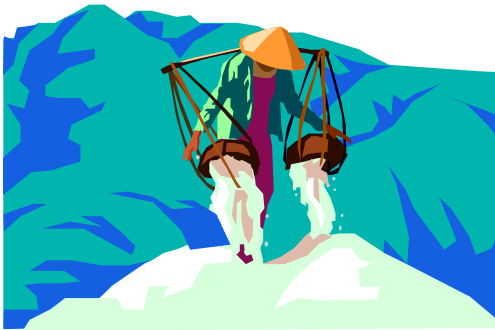
Qu+ê = Quê

D+iên+. = Diện

V+ui = Vui

H+ao+\ = Hào

Y+êu = Yêu



Tổ Quốc Việt Nam.

B. Thực tập

H+anh+~ = _____

S+ường+/ = _____

D+âu+/ = _____

L+ich+. = _____

V+iết+. = _____



III. BÀI TẬP ĐỌC

1. Khi xa tổ quốc, ta luôn nhớ quê hương.
2. Sài Gòn là thủ đô miền Nam Việt Nam (trước năm 1975)
3. Sài Gòn có chợ Bến Thành.
4. Nhà thờ Đức Bà cũng ở Sài Gòn.
5. Sống ngoài nước Việt Nam, ai cũng nhớ Sài Gòn.

6. Nha Trang có bãi biển thật đẹp.
7. Khí hậu ở Đà-Lạt cũng giống như khí hậu Ca-Li.
8. Chùa Non Nước ở Đà Nẵng.
9. Huế có chùa Thiên Mụ.
10. Có nhiều Cà phê ở Ban Mê Thuật. (Buôn mê Thuật)



11. Hà Nội có 36 phố phường.
12. Hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội.
13. Bến cảng Hải Phòng rất tấp nập.
14. Từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.
15. Đèo Bản Dốc không còn nữa!

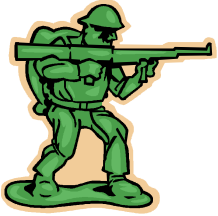
IV. BÀI TẬP



I. Hãy phân biệt giữa câu và cụm từ.

V.d.: Con có một tổ quốc Việt Nam. → Câu.

Non sông gấm vóc. → Cụm từ.



1. Con yêu lịch sử vẻ vang. _____

2. Đồng bào cần mẫn. _____

3. Bầu ơi thương lấy bí cùng _____

4. Chiến sĩ hào hùng _____

5. Yêu dấu ngàn đời. _____

6. Thịnh ngữ _____

7. Buồn ngủ quá ! _____

8. Các em bé thích ăn kem _____

9. Kem màu hồng _____

10. Lịch sử vẻ vang _____



II. Hãy phân biệt Chủ ngữ - Vị ngữ

V.d: Con có tổ quốc. C/n: Con. V.n: Có tổ quốc

1. Con yêu chiến sĩ. C/n _____ V/n _____

2. Cha uống cà phê. _____

3. Bé vẽ con gà. _____

4. Con có tổ quốc. _____

5. Sư tử vồ bê. _____

Chính tả: Tổ quốc Việt Nam